

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HSST

Ngày: 12/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Thương;

2. Ông Hoàng Công Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hùng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P huyện S, tỉnh L. Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 51/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/HSST-QĐ ngày 29/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn M; Tên gọi khác không; Sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt bản N3, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Dân tộc Thái; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo không; Trình độ học vấn không biết chữ; Nghề nghiệp làm ruộng; Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 07/2013/HSST ngày 25/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L, áp dụng khoản 1, Điều 194, điểm p khoản 1 điều 46, điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt Lò Văn M 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đến ngày 20/5/2015 M chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, đến nay chưa được xóa án tích; tiền sự không; Bố Lò Văn T (đã chết); Mẹ đẻ Lò Thị K, sinh năm 1947; Anh chị em ruột: Gia đình bị cáo có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ Lò Thị N, sinh năm 1982 và có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2016; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 20 phút ngày 04/5/2017 tại khu vực bản P, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, Công an tỉnh L tiến hành kiểm tra hành chính đối với Lò Văn M, M đã tự giác lấy từ trong túi quần bên phải của M ra 01 gói nilon màu trắng bên trong có 02 gói nilon chứa chất bột khô vón cục màu trắng. M khai nhận gói nilon trên là Heroin của M mua về để sử dụng. Công an tỉnh L đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng đối với Muôn. Ngày 08/5/2017 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lai Châu đã kết luận giám định: Vật chứng thu giữ của Lò Văn M gửi đến giám định là Heroine, tổng trọng lượng là 7,78 gam.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo khai nhận: Do nghiện chất ma túy, khoảng 16 giờ ngày 4/5/2017, Lò Văn M điều khiển xe moto BKS 25B1 – 356.20 từ nhà M ở bản N 3, xã, huyện S, tỉnh L lên bản N, xã P, huyện S tìm mua Heroin về để sử dụng. Trên đường đi M gặp bà Lò Thị X (là người quen của M, tên thường gọi là mẹ M), qua nói chuyện bà X đã nhờ M mua hộ 1,6 chỉ Heroin để sử dụng, M đồng ý và nhận tiền bà X đưa. Ngoài ra bà Xng còn đưa thêm cho M 50.000 đồng để đồ xăng.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, M đi đến khu vực bản N, xã P, huyện S, thì gặp người phụ nữ dân tộc Dao, khoảng gần 30 tuổi (không biết rõ họ tên) qua trao đổi M đã mua được của người phụ nữ đó 01 gói Heroin bên trong có 02 gói Heroin nhỏ, trong đó có 01 gói Heroin 1,6 chỉ được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh, bên trong là nilon màu hồng với giá 3.200.000 đồng và 01 gói Heroin 08 phân được gói ngoài bằng nilon màu trắng với giá 1.600.000 đồng. Sau đó M cất giấu vào trong túi quần bên phải đang mặc trên người và đi về nhà. Khi về đến khu vực bản P, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác Phòng PC47 – Công an tỉnh Lai Châu yêu cầu dừng xe để kiểm tra, M đã tự giác giao nộp số Heroin trên.

Tại bản cáo trạng số: 19/KSĐT-MT ngày 14/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố Lò Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố .

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14, điểm g

khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 đến 7 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự cần tịch thu tiêu hủy số heroin còn lại sau giám định là 6,6gam; 01 túi ni lông màu trắng; trả lại cho bị cáo số tiền 870.000đ, 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius màu đen đỏ BKS 25B1-35620, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã cũ.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 20 giờ 20 ngày 04/5/2017 tại khu vực bản P, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu, Lò Văn M đã cất giấu 7,78 gam Heroin trong túi quần bên phải đang mặc trên người mục đích để sử dụng thì bị tổ công tác Công an tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi phạm tội như đã nêu trên của Lò Văn M là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

h) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam;

.....

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước được Bộ luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt theo quy định của điều luật đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Về nhân thân bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được hưởng chính sách có lợi cho người phạm tội do quy định của Bộ luật hình sự đã thay đổi cụ thể tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi năm 2017 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

g) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14, điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.” nhưng do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 41 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy số heroin còn lại sau giám định là 6,6gam; 01 túi ni lông màu trắng; trả lại cho bị cáo số tiền 870.000đ, 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius màu đen đỏ BKS 25B1-35620, số khung RLCUE3220GY013102, số máy E3X9E041899 xe đã qua sử dụng không kiểm tra máy bên trong, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã cũ vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về các nội dung liên quan đến vụ án:

- Theo lời khai của M: Về người phụ nữ dân tộc Dao đã bán heroin cho bị cáo nhưng bị can không rõ nhân thân, lai lịch. Kết quả điều tra không xác định được là ai.

Về người phụ nữ có tên mẹ M đã nhờ bị cáo mua hộ 01 gói Heroin, Kết quả xác minh tại bản P, xã P, huyện S có người tên là mẹ M, tên thật là Lò Thị X. Kết quả điều tra Lò Thị X thừa nhận có quen biết M nhưng X không thừa nhận việc nhờ M đi mua Heroin, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ khác để chứng minh. Do đó không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lò Thị X trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
2. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14, điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.
Xử phạt bị cáo Lò Văn M 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 04/5/2017.
3. Vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy số heroine còn lại sau giám định là 6,6gam; 01 túi ni lông màu trắng; trả lại cho bị cáo số tiền 870.000đ, 01 xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius màu đen đỏ BKS 25B1-35620, số khung RLCUE3220GY013102, số máy E3X9E041899 xe đã qua sử dụng không kiểm tra máy bên trong, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã cũ, số Seri 358881078597961 (Vật chứng đã được

niêm phong và bàn giao theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Thi hành án dân sự và Công an tỉnh Lai Châu ngày 15/08/2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo Lò Văn M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Thi hành án;
- Trại tạm giam;
- Công an TLC(PC47);
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hoài